

Những Người Con Gái Lành Của Đức Thế Tôn

Daughters of the Buddha

Do cô cư sĩ giáo thọ Mira Tweti viết, được trích dịch từ số báo mùa đông 2006 (Issue Winter) trong tạp chí Tam Thừa (Tricycle), <http://www.tricycle.com/>

Vào năm 1976, ni sư Karuna Dharma là phụ nữ đầu tiên trở thành vị nữ tu trong tăng đoàn Phật giáo ở Hoa Kỳ. Ni Sư tiếp tục tạo nên những thay đổi mới mẻ trong nền Phật giáo qua việc đứng ra tổ chức ba kỳ Đại Giới Đàn kể từ năm 1994, cho nữ giới với các truyền thống thực tập khác nhau. Gần 50 vị đã trở thành nữ tu sĩ thọ giới đầy đủ, hoặc là tỳ kheo ni, trong những buổi lễ này.



Ni sư Karuna sinh vào năm 1940, có tên là Joyce Adele Pettingill, trong một gia đình Tin Lành Báp Tít ngoan đạo, cư ngụ tại Beloit, Wisconsin. Vào năm 1969, cô ghi danh tham dự một lớp học về đạo Phật, nơi đây cô đã gặp được vị thầy người Việt của mình, đó là hòa thượng tiến sĩ Thích Thiên Ân. Cô đã phụ giúp Hòa Thượng sáng lập Thiền Viện Phật Giáo Quốc Tế (International Buddhist Meditation Center – IBMC) ở Los Angeles vào năm 1970, và trở thành nữ viện trưởng sau khi Hòa Thượng viên tịch vào năm 1980. Ni sư Karuna là một học giả Phật giáo có uy tín, là cựu hội trưởng của Giáo Hội Phật Giáo Hoa Kỳ (American Buddhist Congress), và hiện là phó hội trưởng của Tổng Hội Tăng Già Phật Giáo Miền Nam California và Viện Đại Học Nghiên Cứu Phật Giáo (Buddhist Sangha Council of Southern California and the College of Buddhist Studies).

Vào năm 1994, Ni Sư bị đứt mạch máu não nghiêm trọng, nhưng rồi cùng năm đó Ni Sư nói chuyện và đi đứng lại được, cũng như thu xếp để khai mở Đại Giới Đàn lần thứ nhất bao gồm ba trường phái Phật giáo chánh yếu: Nguyên Thủy, Phát Triển, và Kim Cang. Trong mỗi kỳ giới đàn, Ni Sư liên lạc với các nữ tu sĩ nào chưa thọ giới lớn (novice nuns) có ý muốn trở thành tỳ kheo ni. Các nữ tu sĩ đã đến từ khắp nơi trên thế giới để được Ni Sư truyền giới cho. Đây là một bước ngoặt lớn lao đối với nữ tu sĩ Phật giáo, nhất là ở các quốc gia theo truyền thống Nguyên Thủy, như là Thái Lan, nơi mà một vị ni có thể bị giam giữ vì đắp y áo tỳ kheo ni.

Việc truyền giới của ni sư Karuna có tầm quan trọng bậc nhất đối với giới nữ tu theo truyền thống Tây Tạng vì họ không được phép thọ đại giới tại bốn tự thường trú. Vào thời xa xưa, đức Phật đã ban giới cho cận sự nam, cận sự nữ, và sau khi Ngài thị tịch thì dòng truyền thừa tỳ kheo ni vẫn còn được tiếp nối và truyền sang các quốc gia theo truyền thống Phát Triển, như là Việt Nam, Trung Hoa, và Đại Hàn. Nhưng dòng truyền thừa này biến mất dần tại các quốc gia theo truyền thống Nguyên Thủy, như là Thái Lan, Tích Lan, và chưa bao giờ du nhập vào Tây Tạng. Theo truyền thống quy định là phải có đủ mặt 10 vị tỳ kheo ni thì mới được ban giới lớn cho các nữ tu sĩ. Được biết cho đến ngày nay - không có đủ số 10 vị tỳ kheo ni trong bất cứ một ngôi chùa nào ở Tây Tạng cả – các bậc thầy chỉ có thể truyền trao y áo màu tím của nữ tu sĩ chưa thọ giới lớn mà thôi, và các vị nữ tu đó đành phải là như vậy suốt đời.

Đại Hội Quốc Tế Đầu Tiên Về Vai Trò Nữ Giới Trong Giáo Đoàn Phật Giáo (The First International Congress on Buddhist Women's Role in the Sangha) sẽ được tổ chức ở nước Đức,

tại Đại Học Đường Hamburg (University of Hamburg), vào ba ngày 18-20 tháng bảy, 2007, và sẽ dành phần đặc biệt cho ni sư Karuna như là một diễn giả. Hội nghị chuyên đề này có hy vọng là dàn xếp được cuộc tranh luận còn đang tiếp diễn lâu dài về sự tái lập giáo đoàn tỳ kheo ni khắp thế giới. Đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ tham dự hội nghị này cũng như từng công bố ủng hộ việc thừa nhận ni đoàn Phật giáo.



Ni sư Karuna là bậc thầy của tôi từ năm 1991, và tôi đã có những phát nguyện của một vị giáo thọ (dharma teacher) trong giáo đoàn của Ni Sư vào năm 2004. Mùa hè vừa qua – sau buổi cơm trưa ở căn hộ chung cư của tôi, tại Playa del Rey, California – chúng tôi đã bàn thảo về di sản của ni đoàn tỳ kheo ni, vai trò đổi mới của nữ giới trong nền Phật giáo, và ảnh hưởng của sự thay đổi này đối với các dòng tu tập tổ sư có từ lâu đời. Ni sư Kurana luôn sử dụng phương thức trực tiếp, tức thì, thẳng thắn (no-nonsense approach). Theo đúng phong cách Thiền Tông, Ni Sư luôn nói ra những gì mình nghĩ, và ngày trao đổi hôm đó cũng không ngoại lệ.

Ni Sư là người nữ đầu tiên được xuất gia thọ giới ở Hoa Kỳ, như vậy thì không có các tỳ kheo ni nào ở xứ này vào thời đó sao?

Có rất ít các tỳ kheo ni vào thời đó. Mà thật ra thì không có tỳ kheo ni nào cả vào thời xuất gia thọ giới của tôi. Tôi không chỉ là phụ nữ Hoa Kỳ đầu tiên được xuất gia thọ giới lớn trên đất nước Hoa Kỳ, mà còn là người nữ đầu tiên trở thành tỳ kheo ni ở xứ này. Trước thời điểm đó, bạn phải đi sang Đài Loan, Hương Cảng, hay là một nơi nào khác để được thọ giới lớn.

Ni Sư có thấy được đây là một sự kiện vô cùng quan trọng đối với nữ giới trong làng Phật giáo không?

Hình như sự kiện này không quan trọng lắm đối với tôi vào thời đó. Tôi cũng không nghĩ rằng đây là một cái gì đổi mới to lớn. Dường như tôi chỉ biết mình phải là tỳ kheo ni. Tôi không thể nào giải thích được điều này. Có gì đó trong tôi cứ thôi thúc mình phải là vậy mà thôi.

Từ dạo đó Ni Sư dần thân sắp đặt các chương trình Đại Giới Đàn cho nữ giới. Làm sao mà các kỳ lễ này đã được hình thành?

Vào năm 1994, tôi biết được một số nam thiền sinh sẵn sàng trở thành tỳ kheo. Lúc đó, hòa thượng tiến sĩ Havanpola Ratanasara có mặt trong văn phòng phân khoa đại học nghiên cứu Phật giáo. Tôi đi xuống gặp Sư và nói, “Thưa sư, con có một vài thiền sinh và nhận thấy cũng tới lúc các thiền sinh này nên trở thành tỳ kheo. Sư có hoan hỷ là Upajjhaya của chúng con không?” Upajjhaya có nghĩa là vị sư truyền giới chánh (chứng minh sư). Và Sư đáp lại, “Ni sư Karuna, tôi lấy làm vinh hạnh được làm chứng minh sư!”

Với một chút lo lắng trong lòng, tôi trình bày với Sư, “Thưa sư, có một trở ngại nhỏ. Các thiền sinh nghĩ rằng bởi vì con là thầy của họ, con nên truyền giới cho họ, nhưng mà con biết là con không thể nào ban giới cho nam giới được.” Sư đáp lại, “Để tôi suy nghĩ thêm điều này.” Vài phút sau đó, Sư đi đến quyết định, “Công việc của tôi như là một vị chứng minh sư thì phải chắc

chấn là vị nào dẫn đầu buổi lễ truyền giới thì phải hội đủ giới đức. Và tôi muốn ni sư chủ trì buổi lễ.” Đêm đó tôi về suy ngẫm lại và sáng hôm sau trở xuống tỉnh ý thêm, “Thưa Suto, con cảm thấy thật vinh hạnh được sư chỉ định con làm vị thầy truyền giới, chỉ là con không nên làm một mình, mà nhận thấy là sư và con nên san sẻ công việc đó.” Và Sư nhận lời, “Thật là một ý tưởng kỳ diệu.”

Vì thế cho nên chúng tôi đã ngồi lại với nhau cùng sắp đặt chương trình cho buổi lễ truyền giới, và chúng tôi đã phân buổi lễ ra làm hai. Thay vì có ba vị thầy truyền giới chánh, chúng tôi có tới sáu: ba tăng và ba ni. Chúng tôi có thêm 20 vị thầy ngồi trên giới đài—10 tăng và 10 ni—và chúng tôi cũng có trên dưới 20 tăng ni đến tham dự để chứng minh cho buổi lễ.

Ni Sư đã kể cho con biết tiền sĩ hòa thượng Thiên Ân khởi xướng truyền thống, đó là mời tất cả các truyền thống thực tập khác nhau đến tham dự các buổi lễ truyền giới, và lý do tại sao Hòa Thượng quyết định đặt tên cho thiền viện mà Hòa Thượng sáng lập là Thiền Viện Phật Giáo Quốc Tế.

Tiền sĩ Thiên Ân nói, “Cô là người Hoa Kỳ, và đây là nền Phật giáo tại Hoa Kỳ. Chúng ta không nên chỉ dành riêng buổi lễ truyền giới cho một trường phái nào đó mà thôi.” Trên thực tế, dù sao chăng nữa cũng không có nhiều người Việt lăm ở gần đó vào thời ấy. Tiền sĩ nói, “Tôi sẽ mời quý thầy cô với các truyền thống Phật giáo khác nhau.” Tiền sĩ đã làm như thế, và tất cả quý thầy cô đã về tham dự buổi lễ truyền giới. Và tôi tiếp tục gìn giữ truyền thống này do bởi tôi nghĩ nó là một phương hướng thật tốt đẹp. Như Suto khẳng định, “Chúng ta không truyền giới cho các giới tử để tuân thủ theo một Vinaya nào đó (bộ Luật tạng gồm các giới luật và thanh quy dành cho đời sống tăng ni chúng). Chúng ta cũng không truyền giới cho các giới tử để thuộc về một trường phái Phật giáo nào đó. Mà chúng ta chỉ truyền giới cho các giới tử để trở thành nam tu sĩ và nữ tu sĩ thể thôi, chấm hết.”

Có phải bởi vì đây là nền Phật giáo tại Hoa Kỳ, nơi mà mọi truyền thống đều có mặt, không giống như các quốc gia Á châu, trong đó mỗi nơi theo một truyền thống riêng biệt nào đó?

Không hẳn chỉ vậy thôi, mà còn tại vì đó là phương thức đã có mặt ngay từ thời đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Thực ra đã không có sự phân chia như thế, chẳng hạn như các tông phái, vào thời đức Phật còn tại thế.

Vậy thì phương thức này tiến triển chi tiết ra làm sao? Bởi vì dù là có nhiều truyền thống hiện diện trên giới đài, Ni Sư là thầy của con, và Ni Sư xuất thân từ dòng truyền thừa Việt Nam, và khi có ai hỏi con, con nói đó là dòng truyền thừa của con.

Khi tôi truyền giới thì các giới tử đắp y áo của tông phái mình. Thế nên, nếu bạn là người Tây Tạng thì đắp y áo Tây Tạng, nếu bạn là người Việt thì đắp y áo đó, và nếu bạn thuộc Nguyên Thủy thì đắp y áo Nguyên Thủy. Đó là vì sao lễ thọ giới của chúng ta trông thật khác với các nơi khác.

Trước kỳ lễ thọ giới trong năm 2004, tôi gửi cho mỗi vị xin thọ giới một chương trình, bao gồm thông báo và tờ thỏa thuận. Để được tham dự buổi lễ thọ giới thì một vị ni phải viết thư và xin

thầy mình ký tên vào tờ thỏa thuận rằng mình sẵn sàng thọ giới cũng như vị thầy sẽ chỉ dạy cho mình ít nhất là 5 năm sau đó. Do bởi trong 5 năm đầu, bạn không được tự ý đi đâu hay làm gì. Theo như bộ Luật tạng, bạn phải chịu dưới sự giám sát của thầy mình. Tất cả các vị thầy phải ký tờ thỏa thuận đó. Chúng ta tuân giữ theo tờ thỏa thuận một cách nghiêm chỉnh, dễ làm, dễ hiểu.

Sau khi có được tờ thỏa thuận với chữ ký và đi sang Los Angeles, tất cả nữ tu sĩ phải lưu lại ở IBMC ít nhất là hai tuần trước thời hạn thọ giới để tham dự khóa đào luyện thọ giới theo truyền thống. Chúng ta đã tiếp đón các nữ tu sĩ đến từ Đức, Thụy Sĩ, Pháp, Tây Ban Nha, Úc, và cả hai miền duyên hải Gia Nã Đại. Nhiều vị ni đã đến và đa số, không phải tất cả, là người Tây Tạng. Có một vài vị ni theo truyền thống Nguyên Thủy đã thọ giới. Chúng ta đã truyền giới cho tổng cộng là hai mươi vị ni (*trong lần Đại Giới Đàn 2004*).

Tại sao nó thì quan trọng để có những vị tỳ kheo ni?

Cũng cùng một lý do nó thì quan trọng để có những vị tỳ kheo [nam tu sĩ thọ cụ túc giới]. Giáo đoàn [đoàn thể tỳ kheo và tỳ kheo ni] gìn giữ Phật pháp và tiếp nối các truyền thống thực tập. Nếu không có vị nào thọ đại giới thì ai sẽ giảng dạy và thực hành các truyền thống? Bạn không bao giờ thọ giới để có thêm sự giác ngộ—mà bạn phải thực tập để được giác ngộ. Một vị cư sĩ có thể giác ngộ chẳng khác gì một vị thầy tu.

Bên cạnh thọ giới tỳ kheo ni theo truyền thống, mà nó đòi hỏi một sự thực tập về 348 lời thệ nguyện, Ni Sư còn truyền giới giáo thọ (dharma teacher ordination), cần phải thực tập chỉ 25 lời phát nguyện, cho cả tăng sinh và ni sinh. Con được biết là tiến sĩ Thiên Ân đã khởi xướng sự thực tập cải cách này. Kính xin Ni Sư nói một chút về điều ấy.

Đúng là một sự thay đổi triệt để. Tiến sĩ Thiên Ân sống ở Nhật Bản trong bảy năm, và Tiến Sĩ yêu thích nền văn hóa Nhật. Hầu hết tăng sĩ ở Nhật lập gia thất. Họ không thọ cụ túc giới của một vị tỳ kheo, mà chỉ thọ nhận 25 giới đặc biệt của các vị giáo thọ hướng dẫn thiền tông (zen priests). Đó là những gì mà cô và các sư anh của cô đã thọ nhận thay vì 250 giới cho các vị tỳ kheo và 348 giới cho các vị tỳ kheo ni. Vị giáo thọ (dharma teacher) đối với tôi thì tương đương với “tỳ kheo” hay “tỳ kheo ni.” Những vị giáo thọ không chỉ là cư sĩ bởi vì các vị này đã được đào luyện giống như là các vị tỳ kheo và tỳ kheo ni.

Có sao không? Có một sự thiệt thòi nào cho chúng con trong việc không thọ 348 giới?

Nó còn tùy thuộc vào chủ đích của bạn là gì trong việc trở thành một vị tu sĩ. Nếu bạn muốn làm một vị tu sĩ chân chánh, thì có lẽ bạn nên thọ nhận đầy đủ 348 giới. Nhưng nếu bạn muốn theo kiểu một nhà truyền giáo nhiều hơn, ra ngoài tiếp xúc với quần chúng, thì tốt nhất là bạn thọ nhận 25 giới.

Những vị giáo thọ có được công nhận trong các cộng đồng Phật tử khắp thế giới?

Tôi không hình dung được là những vị giáo thọ có được công nhận ở khắp nơi chẳng. Một vài người bạn Tích Lan của tôi nói là chúng ta đã thêm vào một cấp bậc thọ giới. Nhưng họ nhìn nhận khi tôi nói cho họ biết là tôi xem những vị giáo thọ ngang hàng với các vị tỳ kheo và tỳ

kheo ni. Đó là cách nhìn của tôi mà cũng là cách nhìn của tiến sĩ Thiên Ân. Tôi thật không biết những người khác có lối nhìn thế nào.

Nói chung là Ni Sư có nghĩ giới tăng lữ ở các quốc gia Phật giáo xem trọng đạo Phật Hoa Kỳ không?

Tôi nghĩ là có. Nhiều người Á châu, khi mới lần đầu gặp gỡ những người Hoa Kỳ, không mừng rỡ được đạo Phật ở Hoa Kỳ. Họ cũng không có ý niệm nào về tác phẩm Phật pháp kỳ diệu được viết bằng Anh ngữ. Trong một chừng mực nào đó, họ nghĩ là chúng ta không hiểu biết đạo Phật theo cách thức mà họ hiểu biết, nhưng khi họ bắt đầu biết được là chúng ta thực sự hiểu biết như họ, thì họ thay đổi thái độ.

Tại Hoa Kỳ, các vị tỳ kheo và tỳ kheo ni bình đẳng như nhau.

Xin kể cho con biết về hội nghị Phật giáo mà Ni Sư mới vừa tham dự. Mục tiêu của hội nghị là gì?

Tôi đã tham dự Hội Nghị Quốc Tế Sakyadhita về Nữ Giới Theo Phật Giáo (Sakyadhita International Conference on Buddhist Women) ở thành phố Kuala Lumpur, Mã Lai Á. Khoảng một ngàn người tham dự, gồm chừng ba trăm tỳ kheo ni từ vòng quanh địa cầu, và phần còn lại là các nữ Phật tử. Hội nghị được tổ chức hai năm một lần. Nó bao gồm bất cứ điều gì cần làm cho và ủng hộ giới nữ tu, nhưng tất nhiên một trong những điều chánh yếu được nêu lên trong mỗi kỳ hội nghị là ni đoàn tỳ kheo ni bởi vì nó không hiện có trong mỗi quốc gia.

Ni Sư có liên quan trong việc thành lập hội nghị này phải không?

Đúng vậy. Tôi đã tham dự lần đầu vào năm 1987, được tổ chức tại Bồ Đề Đạo Tràng, Ấn Độ. Khi tôi nhận được thông báo về hội nghị, tôi nghĩ tham dự hội nghị quan trọng hơn là tham dự Hội Ái Hữu Phật Tử Thế Giới (World Fellowship of Buddhists) bởi vì chưa từng có một hội nghị nào cho nữ giới theo Phật giáo trước đó. Vào ngay ngày cuối của hội nghị, chúng tôi nghĩ cách làm sao cho hội nghị được tổ chức thường xuyên và có mặt lâu dài. Chúng tôi đã biểu quyết lấy tên Sakyadhita vì nó có nghĩa là “những người con gái lành của đức Thế Tôn” (daughters of the Buddha). Nữ tu sĩ Tây Tạng, Karma Lekshe Tsomo, và tôi được chọn cùng làm hội trưởng (co-presidents) vào thời gian đó.

Còn việc tạo cơ hội cho nữ giới theo Phật giáo ngồi lại với nhau có tầm mức quan trọng ra sao?

Trước hết, hội nghị đã mở rộng tầm mắt của phụ nữ Tây Tạng vì trước đó họ không hình dung nổi là phụ nữ Tây phương được truyền thụ cụ túc giới cũng như có quá nhiều người Tây phương chúng tôi tại hội nghị đó. Họ cũng trở nên hân hoan mừng rỡ khi nhìn thấy các tỳ kheo ni người Hoa Kỳ làm chủ được đời mình vì họ chưa từng thấy sự việc như thế bao giờ. Vẫn còn chưa có các tỳ kheo ni trong tăng đoàn Tây Tạng. Đức Đạt Lai Lạt Ma có đến tham dự và diễn thuyết. Ngài rất ủng hộ nữ giới, và có nhiều nữ tu sĩ cùng đi tham dự hội nghị với Ngài. Năm đó hội nghị được tổ chức bằng hai thứ tiếng, Anh ngữ và Tạng ngữ.

Những đề tài nào nằm trong chương trình hội thảo tại kỳ hội nghị lần đầu?

Lần đầu đó, chúng tôi không mấy chú ý đến ni đoàn tỳ kheo ni cho lắm, mà đúng hơn là làm thế nào để nữ giới có thể tự nâng cao mình lên tại vì ở nhiều quốc gia họ chỉ có vai trò thứ yếu.

Kỳ hội nghị thứ nhất đó cũng chính là lần đầu tiên các tỳ kheo ni hiện diện có thể tụng đọc Pratimoksha [tỳ kheo ni giới]. Mỗi vị tỳ kheo và tỳ kheo ni phải thực thi nghi lễ tụng giới hai lần trong tháng vào những ngày trăng tròn (ngày rằm) và bán nguyệt (mùng một). Theo như Luật tạng, thì phải có mặt ít nhất là bốn vị thì mới được tụng giới, thế nên đây đúng là lần đầu mà tôi được tụng đọc đại giới.

Vị chủ lễ phải là người trọng tuổi nhất, vì vậy mà tôi được cử ra để hướng dẫn nghi lễ tụng giới. Buổi lễ tụng giới bắt đầu bằng tám giới đầu. Nếu vị nào phạm một trong những giới này thì sẽ tự động bị trục xuất ra khỏi giáo đoàn. Tôi đọc xong giới thứ nhất và hỏi, “Có vị nào phạm giới này?”, và nếu các vị tỳ kheo ni không có phạm giới thì họ giữ im lặng. Từng giới một trong số 348 giới đều được tuyên đọc rõ ràng và được lặp lại ba lần. Chúng tôi mất ba giờ mới đọc xong tất cả các giới, và tôi đã tụng đọc nhanh như tôi có thể!

Thật là một kinh nghiệm kỳ thú, mà toàn thể tỳ kheo ni từ khắp nơi ở Âu châu, Á châu, và Hoa Kỳ đã cùng nhau tụng niệm. Nhưng lại không có sư cô Tây Tạng nào trong đó cả vì không có vị nào là tỳ kheo ni.

Vai trò của nữ giới trong nền Phật giáo thay đổi ra sao kể từ kỳ hội nghị thứ nhất hay là ngay tại thời điểm Ni Sư thọ giới? Hiện thời Ni Sư đã ở trong giáo đoàn được 35 năm, không có gì thay đổi hả?

Ở Hoa Kỳ, tỳ kheo và tỳ kheo ni hoàn toàn đồng đẳng như nhau. Tại Tu Viện Thiền Tào Động (Soto Zen Monastery) tọa lạc trên trái núi Shasta, hai phần ba là ni, và một phần là tăng. Họ gọi vị nào cũng là tăng (monk), bất kể họ thuộc giới tính nào. Họ cũng đắp y áo như nhau, và làm công việc như nhau nếu có đủ khả năng.

Thích Nữ Ân Từ là pháp tự (transmission name) của tôi, và tiến sĩ Thiên Ân luôn muốn tôi xưng hô Thích Nữ bởi vì chữ “Nữ” theo sau chữ “Thích” ngụ ý cho biết đây là pháp tự của một vị ni. Tôi thưa, “Tiến sĩ Thiên Ân, tại sao thầy làm như vậy?” Tiến Sĩ giải đáp, “Tại vì nếu như tôi không gọi như vậy, rồi thì đâu ai biết cô là người nữ!” Lúc đó tôi vẫn chưa hiểu thấu ý của Tiến Sĩ muốn nói gì. Nhưng bây giờ tôi mới nhận ra rằng Tiến Sĩ thật lấy làm hãnh diện về các nữ đệ tử, và Tiến Sĩ muốn cho người ta biết đây là các tỳ kheo ni, chứ không phải tỳ kheo. Đây là *các tỳ kheo ni!*

Tôi muốn nhìn thấy Bát Kinh Pháp được ném mất ra ngoài cửa sổ!

Ni Sư có cho rằng sự bình đẳng nam nữ tồn tại trong vòng cộng đồng Phật giáo Hoa Kỳ là một sự phản ánh về tình trạng giới tính trong một phạm vi xã hội lớn hơn?

Tôi nghĩ hai sự kiện này có liên quan nhiều với nhau. Người nam lại thích ở bên cạnh người nữ có tinh thần phóng khoáng, cởi mở, mạnh dạn. Sau khi tiến sĩ Thiên Ân viên tịch, tôi trở thành

nữ viện trưởng, tôi những tưởng là phần lớn phái nam sẽ rời bỏ tu viện. Nhưng họ đã không, mà nay tôi lại còn có nhiều nam thiền sinh hơn là nữ thiền sinh. Tôi nghĩ là hiện nay phái nam hơi chán ngán chế độ giáo trưởng (*patriarchy – người nam đứng đầu*) và muốn nhìn thấy những người nữ có năng lực kiên quyết trong các vai trò lãnh đạo.

Nhiều nữ giáo thọ người Mỹ rất được sự kính trọng, chủ yếu là vì chúng ta bằng cách nào đó tránh không để cho bị liên lụy vào các cuộc tranh cãi lớn mà chúng đã gây trở ngại cho phái nam. Nó thì không hẳn là chúng ta thanh tịnh hơn nam giới, mà đúng ra là nữ giới ý thức hơn về những gì có thể xảy đến nếu họ dính dấp vào các vụ này.

Có phải Ni Sư đang nói đến những vụ tai tiếng tình dục?

Phải rồi đó. Nếu bạn là trụ trì một ngôi chùa, và người nào đó muốn trêu ghẹo, công kích, hay làm hại bạn, thì người đó sẽ tố cáo bạn lạm dụng hai điều: dục tính và tiền bạc. Thành thật mà nói, những lời kết tội này thì không phải lúc nào cũng đúng cả vì họ có thể bịa chuyện. Nữ giới thận trọng nhiều hơn nam giới đối với những vấn đề này—không phải là vì nữ giới không có nhiều cơ hội. Thực tế là tôi đã bị tấn công bởi nam thiền sinh lẫn nữ thiền sinh.

Thật vậy à?

Thật là vậy. Khi một nữ thiền sinh mon men gạ gẫm tôi, tôi chỉ cười trừ với cô ấy. Cô ấy cả quyết thêm, “Tôi thật lòng đó mà,” và tôi đáp, “Cô tưởng cô là vậy, nhưng thực ra cô không phải như thế đâu.” Sau đó vài tháng, cô ấy đến và nói với tôi, “Thưa ni sư Karuna, tôi rất vui mừng là Ni Sư đã nói điều đó với tôi.” Bởi vì thời gian đó cô ấy tìm được một người, và họ rất yêu thương nhau.

Chuyện này nghe có vẻ như là một thực trạng rất là tân thời, ngay cả rất ư là Mỹ đó. Ni Sư nhận thấy ra sao về các vấn đề giới tính mà Ni Sư gặp phải nơi đây có liên hệ tới các vấn đề giới tính khi Ni Sư du hành đến các nước Á châu Phật giáo?

Tại Hoa Kỳ có sự bình đẳng. Ở các quốc gia còn lại trên thế giới thì vẫn còn khá nhiều sự bất bình đẳng giữa nam và nữ. Khi tôi nói chuyện với quý thầy người Việt, tôi sẽ nói, “Xin chắc chắn là quý cô giữ đúng vai trò của mình! Hãy khuyến tấn quý cô nhận lãnh một trách vụ chủ động hơn nữa trong chùa thay vì chỉ biết lo nấu nướng và quét tước. Hãy cổ vũ quý cô trở thành các vị giáo thọ.”

Thực ra hiện nay, trong một số quốc gia Á châu theo truyền thống đại thừa, như là Đài Loan, Hương Cảng, Việt Nam, và Triều Tiên, phần lớn số người xuất gia thọ giới là người nữ. Giới nữ tu Triều Tiên rất là cương quyết. Mỗi quan tâm cơ bản của họ là các tự viện lớn đều do quý thầy điều hành, chứ không phải quý cô. Chao ôi, tại hầu hết các quốc gia ở vòng quanh trái đất, các vị tỳ kheo ni sẽ lấy làm hân hoan nếu như sự quan tâm bên trên là vấn đề lớn nhất của họ!

Quý sư Tích Lan bảo thủ thì tin rằng các tỳ kheo ni phải được truyền giới bởi các tỳ kheo ni khác theo truyền thống Nguyên Thủy. Vì lẽ rằng không có tỳ kheo ni nào cả ở xứ đó trong một ngàn năm, cho nên không có vị ni nào được thọ giới lớn, nhưng có các sư khắp xứ Tích Lan âm thầm khuyến khích các sư cô trở thành tỳ kheo ni trong một lúc nào đó. Theo như tôi được biết thì tôi

đã ban giới cho một vị tỳ kheo ni Tích Lan trước tiên hơn hết vào năm 1997. Pháp hiệu của sư cô ấy là Sumentha, còn tên gọi thân mật là Loku Mani, có nghĩa là bà mẹ lớn, và Sư Cô điều hành một cô nhi viện ở Tích Lan. Sư Cô là một vị ni chưa thọ giới lớn trong thời gian ít nhất là 20 năm khi mà Sư Cô đến tu viện của chúng ta để thăm tiến sĩ Ratanasara và một vài sư Tích Lan khác cư trú ở đây. Tôi tỏ ý muốn truyền giới cho Sư Cô. Ban đầu Sư Cô còn do dự, nhưng hòa thượng Ratanasara thuyết phục được Sư Cô thọ giới. Ngày nay có gần một ngàn tỳ kheo ni ở Tích Lan, nơi mà cách nay 10 năm đã không có tỳ kheo ni nào cả.

Sự kiện đó thật là lý thú.

Vâng, nó thì hoàn toàn lý thú. Thực tế là tôi nhận thấy có sự thay đổi trong chính dân chúng Thái. Khi tôi ở Thái Lan cách nay hai năm, đúng là lần đầu tiên mà những người đàn ông Thái đến gần và lạy chào tôi. Khi họ thấy y áo màu vàng, họ biết chắc tôi là ai, mà thời gian trước đó thì họ không đánh lễ bao giờ. Vì vậy, người dân Thái thay đổi nhanh hơn nhiều so với quý sư, nhất là quý sư trọng tuổi.

Ni Sư có nghĩ rằng đây là vấn đề thời gian đợi cho đến khi giới tăng lữ già cõi ra đi hết thì lúc đó các tỳ kheo ni sẽ được chấp nhận trong các quốc gia theo Phật giáo Nguyên Thủy?

Tôi nghĩ đó là một phần. Một khi giới tăng lữ già nua không còn nữa thì lớp tăng sĩ trẻ hơn sẽ có thể bày tỏ được quan điểm tự do, cởi mở hơn của mình. Thực tế thì điều đó đang bắt đầu xảy ra ở Thái Lan, nhưng phải đợi thêm ít lâu nữa thì nó mới được bén rễ vững chắc.

Vấn đề ở Thái Lan là giới nữ tu chỉ có thể trở thành tỳ kheo ni theo truyền thống Đại Thừa. Bất kỳ vị ni nào đắp y áo trông giống như là tỳ kheo ni theo truyền thống Nguyên Thủy sẽ bị câu lưu vào nhà lao. Nhưng các vị ni Nguyên Thủy không muốn trở thành tỳ kheo ni Đại Thừa—họ muốn là tỳ kheo ni Nguyên Thủy.

Một chương ngại khác nữa cho các nữ tu sĩ là phải họ thọ nhận thêm Bát Kinh Pháp thì mới được xem là đầy đủ giới đức phải không? Ý kiến của Ni Sư đối với Bát Kinh Pháp như thế nào?

Tôi muốn nhìn thấy Bát Kinh Pháp được ném mạt ra ngoài cửa sổ! Đức Phật đã không đề ra Bát Kinh Pháp theo như nhiều người nghĩ tưởng. Các học giả Nguyên Thủy—cả người Thái và Tích Lan—sẽ chỉ cho ta thấy Bát Kinh Pháp không phải do đức Phật tuyên dạy, mà là được bổ xung thêm sau này.

Bát Kinh Pháp là gì vậy?

Điều thứ nhất—có lẽ là điều xúc phạm nhiều nhất đối với các vị ni—đó là bất kể tỳ kheo ni có tuổi hạ ra sao cũng phải đánh lễ một vị tăng chỉ mới vừa thọ cụ túc giới một ngày thôi. Có lẽ đây là điều chương tai gai mắt nhất trong Bát Kinh Pháp. Chúng là những quy tắc, giới luật mà tôi giảng dạy cho các thiền sinh, nhưng tôi giải thích thêm Bát Kinh Pháp thì không phải do chính đức Phật chế định.

Con không nhớ là có thầy Ni Sư thực hành giới luật đó. Ni Sư có đánh lễ quý thầy nhỏ tuổi hơn Ni Sư không?

Cô nói giỡn đấy à?

Trở Ngại Trong Phật Giáo (Buddhism's Glass Ceiling): Bát Kinh Pháp

Tám điều giới luật thường được tranh luận (*Bát Kinh Pháp - Garudhamma*) mà các vị ni theo truyền thống phải tuân thủ để được là một tỳ kheo ni có đầy đủ giới đức trong giáo đoàn Phật giáo.

1. Một vị tỳ kheo ni dù có 100 tuổi đạo vẫn phải cung kính chấp tay lễ bái một vị tỳ kheo dù chỉ mới thọ cụ túc giới được một ngày. Giới luật này phải được phụng trì trọn đời.
2. Một vị tỳ kheo ni không được an cư ở nơi xa cách với trú xứ của các vị tỳ kheo. Giới luật này cũng phải được phụng trì trọn đời.
3. Nửa tháng một lần, một vị tỳ kheo ni phải thực hiện hai điều: Thưa hỏi tăng đoàn tỳ kheo xác định ngày Bố Tát (Uposatha) cũng như thỉnh cầu sự thuyết giới cùng lời khuyên bảo của tăng đoàn tỳ kheo. Giới luật này cũng phải được phụng trì trọn đời.
4. Khi mùa an cư kết thúc, một vị tỳ kheo ni phải tham dự lễ Tự Tứ (Pavarana ceremony) trước cả tỳ kheo ni chúng và tỳ kheo chúng để thỉnh mời chư tăng ni nêu ra lỗi mình theo như họ thấy, nghe, hay nghĩ về mình. Giới luật này cũng phải được phụng trì trọn đời.
5. Một vị tỳ kheo ni phạm trọng tội (sanghadisesa offense – tội tăng tàn) thì phải thực hiện sám hối trong nửa tháng, gọi là hình phạt ý hỷ (pakkha manatta – *nhờ thực hành sám hối mà mình được thanh tịnh hơn, khiến cho mình vui và đại chúng vui lây*), trước hai bộ chúng tăng ni. Giới luật này cũng phải được phụng trì trọn đời.
6. Thức xoa ma na (sikkhamana) phải thực tập sáu giới trong hai năm thì mới được xin thọ giới tỳ kheo ni dưới sự đồng thuận của hai bộ chúng. Giới luật này cũng phải được phụng trì trọn đời.
7. Một vị tỳ kheo ni không nên chỉ trích hay sỉ vả một vị tỳ kheo vì bất kỳ duyên cớ gì. Giới luật này cũng phải được phụng trì trọn đời.
8. Các tỳ kheo ni không được phép đốc thúc hay khuyên bảo các tỳ kheo. Các tỳ kheo nên khuyên bảo các tỳ kheo ni khi nào và nơi đâu nếu như thấy cần thiết. Giới luật này cũng phải được phụng trì trọn đời.

Có thể liên lạc về bài dịch với Tâm Diệu Phú (tamdieuphu@gmail.com)